

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển  
rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**



09/07

*[Handwritten signature]*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

## 2. Đối tượng áp dụng:

a) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (sau đây gọi chung là cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ).

b) Cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể, vựa rau quả, trái cây, trường học, nhà trẻ, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, công an, quân đội, trụ sở làm việc của doanh nghiệp, cửa hàng, khách sạn, đơn vị kinh doanh ăn uống, nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh, chợ, bến tàu, bến xe và công trình xây dựng sử dụng dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt (sau đây gọi chung là cá nhân, đơn vị sử dụng dịch vụ).

## Điều 2. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

### 1. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

TT	Đối tượng/ Cụ ly vận chuyển	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
1.	Cá nhân, hộ gia đình	đồng/hộ/tháng	20.000
2.	Phòng trọ	đồng/phòng/tháng	15.000
3.	Hộ kinh doanh cá thể (không bao gồm các hộ kinh doanh ăn uống, thực phẩm, vựa rau quả, trái cây)	đồng/hộ/tháng	30.000
4.	Trường học, nhà trẻ, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (không bao gồm bệnh viện), công an, quân đội, trụ sở làm việc của doanh nghiệp (không bao gồm cơ sở sản xuất)	đồng/đơn vị/tháng	140.000
5.	Cửa hàng, khách sạn, đơn vị kinh doanh ăn uống, nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất (bao gồm vựa rau quả, trái cây), cơ sở kinh doanh, chợ, bến tàu, bến xe và công trình xây dựng		
5.1.	Cụ ly vận chuyển từ 25km trở lại	đồng/tấn rác	182.000

TT	Đối tượng/ Cự ly vận chuyển	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
5.2.	Cự ly vận chuyển trên 25km đến 65km	đồng/tấn rác	380.000

2. Giá dịch vụ quy định tại khoản 1, Điều 2 của Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp một đối tượng áp dụng nhiều mức thu thì chỉ thu mức giá cao nhất.

3. Căn cứ tình hình thực tế tại các huyện, thành, thị, các cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với cá nhân, đơn vị sử dụng dịch vụ với mức giá không vượt mức giá tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 3. Quản lý, sử dụng tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt**

1. Khi tổ chức thu tiền dịch vụ theo hợp đồng đã ký, các đơn vị, cá nhân cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phải sử dụng chứng từ thu theo quy định hiện hành.

2. Số tiền thu được là doanh thu của cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt. Các cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ phải đăng ký, kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế quản lý theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành, cụ thể:

a) Đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

b) Kê khai, nộp thuế theo quy định của Luật Thuế và thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm niêm yết giá, thông báo giá dịch vụ cho cá nhân, đơn vị sử dụng dịch vụ và thu giá dịch vụ theo đúng giá niêm yết.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện,

thành phố, thị xã; các cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ và sử dụng dịch vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh,
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- VPUB: các PCVP, Phòng TC, KT, Trung tâm Công báo, Công TTĐT;
- Lưu: VT, (Luân).

13

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Văn Nghĩa*